

HẠN NGẠCH PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRONG TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ: PHÂN TÍCH VỤ KOCH INDUSTRIES KHỎI KIỆN CANADA VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

ĐÀO KIM ANH*

NGUYỄN THỊ YẾN NHI**

Ngày nhận bài: 09/10/2025

Ngày phản biện: 23/10/2025

Ngày đăng bài: 25/02/2026

Tóm tắt:

Hạn ngạch phát thải khí nhà kính là công cụ kiểm soát phát thải của Chính phủ và là đối tượng đầu tư trọng điểm xuyên biên giới trong những năm gần đây. Tranh chấp xoay quanh việc xác định hạn ngạch phát thải có thuộc phạm vi bảo hộ của các hiệp định đầu tư quốc tế (International Investment Agreement - IIA) đã và đang đặt ra thách thức lớn cho trọng tài đầu tư cũng như các bên tham gia. Sự thiếu vắng quy định rõ ràng trong các IIA về địa vị pháp lý của hạn ngạch phát thải không chỉ tạo ra khoảng trống pháp lý, mà còn làm gia tăng rủi ro cho nhà đầu tư trong bối cảnh chính sách về thị trường các-bon của các quốc gia có nhiều thay đổi. Bài viết tập trung phân tích vụ việc Koch Industries kiện Canada. Từ đó, bài viết không chỉ xác

Abstract:

Emission allowances have emerged as a government tool for controlling emissions and a key object of cross-border investment in recent decades. Disputes surrounding the determination of whether emission allowances fall within the scope of protection of International Investment Agreements have posed significant challenges for investment arbitration as well as for the parties involved. The absence of clear provisions in IIAs regarding the legal status of emission allowances has not only created legal uncertainty but also increased risks for investors, especially in the context of rapidly evolving national carbon market policies. This article focuses on analyzing the case of Koch Industries, Inc. and Koch Supply & Trading, LP v. Canada. From this case, the article both identifies the arbitral tribunal's approach to disputes over emission

* TS., Giảng viên; Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại Thương; Email: anhdk@ftu.edu.vn

** Sinh viên; Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại Thương; Email: k61.2211650602@ftu.edu.vn

định quan điểm của trọng tài đối với tranh chấp về hạn ngạch phát thải khí nhà kính giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước tiếp nhận đầu tư mà còn lý giải các vấn đề pháp lý phát sinh từ tranh chấp dạng này. Những bài học kinh nghiệm rút ra từ vụ tranh chấp này giúp Việt Nam có phương án vận hành thị trường các-bon trên môi trường quốc tế và giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế liên quan trong tương lai.

Từ khóa:

Tranh chấp đầu tư quốc tế, trọng tài đầu tư; hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

Keywords:

International investment disputes, investment arbitration, emission allowances.

1. Đặt vấn đề

Chống biến đổi khí hậu đã trở thành một trong những ưu tiên cấp thiết nhất của cộng đồng quốc tế trong thế kỷ XXI. Trước thực trạng nhiệt độ trung bình toàn cầu đã tăng khoảng 1,1°C so với thời kỳ tiền công nghiệp, kéo theo các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng nghiêm trọng và khó lường, cộng đồng quốc tế đã kêu gọi sự hợp tác và nỗ lực toàn cầu nhằm cắt giảm phát thải khí nhà kính¹. Trong số đó, hai văn kiện mang tính bước ngoặt - Nghị định thư Kyoto và Hiệp định Paris về Biến đổi khí hậu² đã đặt nền móng cho việc xây dựng các hệ thống hạn ngạch phát thải và thị trường các-bon, cho phép các quốc gia và doanh nghiệp mua bán quyền phát thải như một công cụ thị trường hỗ trợ mục tiêu môi trường³.

Việc định lượng phát thải và cho phép giao dịch hạn ngạch phát thải đã giúp hình thành một thị trường tiềm năng và thu hút dòng vốn đầu tư toàn cầu. Tuy nhiên, chính

¹ United Nations (n.d.), *Climate Change*, <https://www.un.org/en/global-issues/climate-change>, truy cập ngày 10/9/2025.

² Điều 6, Hiệp định Paris về Biến đổi khí hậu đưa ra các cơ chế nhằm cho phép các nước giảm phát thải một cách hiệu quả hơn bằng cách trao đổi tín chỉ các-bon và hợp tác trong các hoạt động giảm phát thải.

³ The Dutch Emission Authority (n.d.), *Obtaining emission allowances*, <https://www.emissionsauthority.nl/topics/emissions-trading-eu-ets-2021-2030/eu-ets-registry-2021-2030/allowances/obtaining-emission-allowances>, truy cập ngày 04/10/2025.

sự phát triển nhanh chóng của các thị trường các-bon và chính sách điều tiết khí thải lại làm phát sinh những xung đột pháp lý mới, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư quốc tế⁴. Khi các quốc gia điều chỉnh chính sách, chẳng hạn như thu hồi, điều chỉnh hoặc giới hạn lại hạn ngạch phát thải - điều này có thể tác động trực tiếp đến lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài, và dẫn đến nguy cơ bị khởi kiện theo các hiệp định đầu tư quốc tế (International Investment Agreements - IIAs)⁵.

Vụ Koch Industries khởi kiện Canada⁶ với phán quyết được đưa ra năm 2024, là một trong những vụ tranh chấp đầu tư quốc tế đầu tiên liên quan tới hạn ngạch phát thải. Tập trung phân tích vụ kiện này, bài viết sẽ làm rõ những thách thức mà trọng tài đầu tư đang đối mặt trong việc cân bằng giữa quyền điều chỉnh chính sách vì lợi ích công và nghĩa vụ bảo hộ nhà đầu tư. Từ đó, bài viết đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam trong bối cảnh triển khai thị trường các-bon trong nước và từng bước hội nhập vào thị trường các-bon toàn cầu.

2. Hạn ngạch phát thải khí nhà kính và thách thức đặt ra đối với cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

Hạn ngạch phát thải khí nhà kính là một công cụ chính sách môi trường được thiết kế nhằm kiểm soát và từng bước cắt giảm lượng phát thải. Theo cơ chế này, mỗi hạn ngạch cho phép một quốc gia, tổ chức hoặc cá nhân được phát thải một đơn vị khí nhà kính (thường tính bằng tấn CO₂) trong một khoảng thời gian nhất định⁷. Hạn ngạch được chính phủ cấp miễn phí hoặc bán đấu giá cho các tổ chức tham gia hệ thống giao dịch phát thải⁸. Ví dụ, trong khuôn khổ Liên minh châu Âu, Ủy ban châu Âu xác định tổng hạn ngạch phát thải hàng năm cho toàn khối và các quốc gia thành viên phân bổ hạn ngạch cho doanh nghiệp trong nước⁹.

⁴ Trịnh Nam Phong (2024), *Thị trường carbon hình thành trên thế giới như thế nào?*, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, <https://pilot.dcc.gov.vn/thi-truong-cac-bon/thi-truong-carbon-hinh-thanh-tren-the-2720>, truy cập ngày 12/9/2025.

⁵ Anja Ipp and Annette Magnusson (2024), *Investment Arbitration and Climate Change*, Kluwer Law International, tr. 43- 44.

⁶ *Koch Industries, Inc. and Koch Supply & Trading, LP v. Canada*, ICSID Case No. ARB/20/52, Award, <https://www.italaw.com/sites/default/files/case-documents/italw180805.pdf>, truy cập ngày 06/10/2025 (“*Koch Industries v. Canada*”).

⁷ European Commission (n.d.), *About the EU ETS*, https://climate.ec.europa.eu/eu-action/carbon-markets/eu-emissions-trading-system-eu-ets/about-eu-ets_en, truy cập ngày 03/10/2025.

⁸ European Union (n.d.), *Glossary: Emissions trading system (ETS)*, [https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=Glossary:Emissions_trading_system_\(ETS\)](https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=Glossary:Emissions_trading_system_(ETS)), truy cập ngày 3/10/2025.

⁹ *Commission Decision (EU) of 27.7.2023 on the Union-wide quantity of allowances to be issued under the EU Emissions Trading System for 2024*, https://climate.ec.europa.eu/document/download/9430545c-6e33-4a16-b6b1-4c209aa3490b_en?filename=news_20230728_c_2023_4950_en.pdf&prefLang=nl, truy cập ngày 03/10/2025.

Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường các-bon đang phát triển trở thành một lĩnh vực đầu tư tiềm năng, việc chính phủ điều chỉnh chính sách về hạn ngạch phát thải, ví dụ thu hồi, hạn chế, hoặc điều chỉnh, cắt giảm các hạn ngạch phát thải có thể dẫn tới nhiều tranh chấp đầu tư quốc tế. Khi những thay đổi này gây thiệt hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư nước ngoài, họ có thể khởi kiện quốc gia sở tại theo cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước¹⁰. Đây là cơ chế đặc thù được đưa ra trong các hiệp định đầu tư, cho phép nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện trực tiếp quốc gia tiếp nhận đầu tư ra cơ quan trọng tài quốc tế dựa trên các quy định trong IIA hoặc trong hợp đồng đầu tư ký kết giữa nhà đầu tư và nhà nước¹¹.

Từ thực tiễn và các quy định hiện nay trong IIA, thách thức lớn nhất trong các tranh chấp đầu tư liên quan tới hạn ngạch phát thải là xác định xem liệu hạn ngạch phát thải có phải là một “khoản đầu tư được bảo hộ” hay không. [...]. Vấn đề này có tính chất quyết định đến thẩm quyền xét xử của trọng tài: nếu hạn ngạch phát thải không được công nhận là một khoản đầu tư theo IIA, thì trọng tài sẽ từ chối thẩm quyền giải quyết tranh chấp mà không cần phân tích nội dung vụ tranh chấp¹².

Hiện nay, hầu hết các IIA hiện hành chỉ đưa ra khái niệm khá rộng về “khoản đầu tư được bảo hộ”¹³. Khái niệm này thường bao gồm tất cả các loại tài sản và liệt kê danh mục những tài sản cụ thể được coi là khoản đầu tư, thường dưới dạng liệt kê mở nhằm bao quát nhiều loại tài sản và quyền lợi kinh tế khác nhau. Ví dụ, Điều 1.2 trong Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa EU và Việt Nam (EVIPA) định nghĩa đầu tư “là mọi loại tài sản được sở hữu, kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi nhà đầu tư của một bên trên lãnh thổ của bên kia, có các đặc điểm của một khoản đầu tư, bao gồm những đặc điểm như cam kết vốn hoặc các nguồn khác, kỳ vọng lợi nhuận, giá định rủi ro và thời hạn cố định”. Ngoài ra, Điều này cũng đưa ra một danh mục các loại tài sản có thể coi là đầu tư bao gồm: tài sản hữu hình hoặc vô hình, động sản hoặc bất động sản, cũng như các quyền tài sản khác, như cho thuê, thế chấp, thế nợ hoặc cầm cố; doanh nghiệp cũng như cổ phần, cổ phiếu hoặc các hình thức góp vốn khác trong doanh nghiệp và các quyền phát sinh từ đó; trái phiếu, giấy nợ, khoản vay hoặc các công cụ nợ khác,

¹⁰ Anja Ipp and Annette Magnusson (2024), sđd, tr. 44.

¹¹ Ursula Kriebaum, Christoph Schreuer, Rudolf Dolzer (2022), *Principles of International Investment Law*, Oxford University Press, tr. 335-336.

¹² Arman Sarvarian (2024), *Koch Industries, Inc. Koch Industries, Inc. and Koch Supply & Trading, LP v Canada: Emissions Allowances as 'Investment'?*, Tạp chí ICSID Review, Số 39 (3), tr. 559-560.

¹³ Khoản 1 Điều 10 Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực, khoản 1 Điều 9 của Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, khoản 1 Điều 14 của Hiệp định thương mại Mỹ-Mexico-Canada.

bao gồm cả quyền phát sinh từ đó; hợp đồng “chìa khóa trao tay”, hợp đồng xây dựng, hợp đồng quản lý, hợp đồng sản xuất, hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng chia sẻ doanh thu và các hợp đồng tương tự khác; quyền đòi tiền hoặc quyền đòi tài sản hoặc bất kỳ việc thực hiện hợp đồng nào có giá trị tài chính; các quyền sở hữu trí tuệ và lợi thế thương mại.

Tuy nhiên, các định nghĩa về “đầu tư” trong IIA hiện nay hầu như không đề cập trực tiếp đến hạn ngạch phát thải, gây khó khăn trong giải quyết tranh chấp. Xét về bản chất, hạn ngạch phát thải khí nhà kính là một công cụ quản lý hành chính được chính phủ cấp cho các chủ thể, cho phép họ phát thải một lượng khí nhà kính nhất định trong một khoảng thời gian. Trong bối cảnh hệ thống giao dịch phát thải ngày càng phát triển, hạn ngạch có thể được mua bán trên thị trường, có giá trị kinh tế và trong một số trường hợp trở thành tài sản tài chính trong hoạt động đầu tư. Nhiều doanh nghiệp đưa các hạn ngạch này vào báo cáo tài chính, sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay, hoặc tham gia vào các giao dịch thị trường các-bon xuyên quốc gia¹⁴. Vì vậy, có quan điểm cho rằng hạn ngạch phát thải cần được nhìn nhận như một loại tài sản đầu tư được bảo hộ. Quan điểm này đặc biệt được nhấn mạnh trong các tranh chấp liên quan đến thị trường các-bon đang hình thành. Ví dụ, trong vụ Koch Industries kiện Chính phủ Canada, nguyên đơn lập luận rằng việc Chính phủ Canada thu hồi hoặc vô hiệu hóa hạn ngạch phát thải của nguyên đơn tương đương với hành vi tước đoạt khoản đầu tư hợp pháp, do đó vi phạm cam kết bảo hộ đầu tư trong IIA¹⁵. Ngược lại, cũng có quan điểm cho rằng hạn ngạch phát thải không mang bản chất sở hữu tư nhân mà chỉ là quyền có điều kiện, được cấp bởi chính phủ dựa trên chính sách môi trường từng thời kỳ, do đó không thể mặc nhiên được công nhận là tài sản đầu tư. Theo đó, các hạn ngạch này có thể bị thu hồi, điều chỉnh hoặc bãi bỏ theo quyết định hành chính của Nhà nước, và điều đó không đồng nghĩa với hành vi tước đoạt¹⁶. Trên thực tế, các hội đồng trọng tài đầu tư quốc tế đã gặp phải những tranh luận tương tự trong các vụ tranh chấp liên quan đến tài sản phi truyền thống. Một số hội đồng sử dụng các tiêu chí “Salini”, được đưa ra trong phán quyết của vụ tranh chấp Salini v. Morocco, để đánh giá tính chất của khoản đầu tư, bao gồm bốn yếu tố: đóng góp kinh tế, thời gian tồn tại, chấp nhận rủi ro và đóng góp vào sự phát triển của nước tiếp nhận đầu tư. Tuy nhiên, việc áp dụng các tiêu chí này vào hạn ngạch phát thải thường dẫn đến kết luận không

¹⁴ European Commission (n.d.), tldd.

¹⁵ *Koch Industries v. Canada*, tldd, tr. 78-79.

¹⁶ *Koch Industries v. Canada*, tldd, tr. 75-76.

nhất quán. Trong một số trường hợp, hạn ngạch có thể đáp ứng các tiêu chí (ví dụ như khi được mua với chi phí cao, có thời hạn xác định và gắn liền với hoạt động sản xuất), nhưng trong các trường hợp khác - đặc biệt khi hạn ngạch được cấp miễn phí hoặc phân bổ theo chính sách ưu đãi thì việc xác định hạn ngạch là một khoản đầu tư rất khó thuyết phục.

Do đó, thách thức pháp lý lớn nhất hiện nay nằm ở bản chất kép của hạn ngạch (vừa là công cụ chính sách, vừa là tài sản có thể giao dịch). Đáng tiếc, vấn đề này hiện vẫn được bỏ ngỏ trong các IIA. Sự mơ hồ này tạo ra khoảng trống pháp lý, làm suy giảm tính minh bạch và khả năng dự đoán của hoạt động đầu tư xuyên biên giới trong lĩnh vực môi trường¹⁷. Từ góc độ nhà đầu tư, nếu không có cơ sở pháp lý rõ ràng trong hiệp định, nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn trong việc bảo vệ quyền lợi của mình khi chính sách phát thải của quốc gia đầu tư có sự điều chỉnh đột ngột hoặc bất lợi.¹⁸ Điều này cũng đặt ra thách thức đối với Nhà nước trong việc ban hành và điều chỉnh các chính sách về hạn ngạch phát thải. Phần tiếp theo của bài viết tập trung phân tích phán quyết trọng tài trong vụ tranh chấp giữa Koch Industries và Chính phủ Canada - một trong những phán quyết đầu tiên trực tiếp giải quyết câu hỏi về địa vị pháp lý của hạn ngạch phát thải trong giải quyết tranh chấp đầu tư.

3. Hạn ngạch phát thải và tiêu chí xác định khoản đầu tư được bảo hộ theo phán quyết trọng tài Koch Industries v. Canada¹⁹

3.1. Tóm tắt tình tiết vụ tranh chấp

Nguyên đơn trong tranh chấp là công ty Koch Industries và công ty con Koch Supply & Trading (Hoa Kỳ) thực hiện đầu tư tại Canada thông qua hoạt động mua bán phát thải khí nhà kính. Năm 2016, tỉnh Ontario (Canada) lập chương trình “Cap and Trade Program”, triển khai từ ngày 01/01/2017, sau đó chương trình này đã liên kết với các thị trường tại California và Quebec theo chương trình “Western Climate Initiative”. Trong giai đoạn 2017-2018, các công ty thuộc Koch Industries đã mua một lượng lớn hạn ngạch, trong đó có phần được chuyển sang California, với mục đích đầu tư và kinh doanh trong thị trường phát thải khu vực Bắc Mỹ. Tuy nhiên, đến tháng 6/2018, Chính phủ mới của Ontario quyết định chấm dứt chương trình “Cap and Trade Program”, hệ quả là toàn bộ các hạn ngạch phát thải khí nhà kính chưa sử dụng bị vô hiệu mà không có bất kỳ khoản bồi thường nào cho các bên tham gia thị trường.

¹⁷ Anja Ipp and Annette Magnusson (2024), sđd, tr. 48-50.

¹⁸ Arman Sarvarian (2024), tldđ, tr.560.

¹⁹ Koch Industries v. Canada, tldđ.

Trước quyết định này, tháng 12/2020, nhà đầu tư đã khởi kiện Chính phủ Canada ra trọng tài ICSID, cho rằng các biện pháp của Chính quyền Ontario “đã xóa sổ hoạt động giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính của họ”, cấu thành một “hành vi trút hữu tài sản [...]” vi phạm Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA). Ngược lại, bị đơn cho rằng khiếu kiện của nguyên đơn không căn cứ do hạn ngạch phát thải khí nhà kính do nguyên đơn nắm giữ không phải “khoản đầu tư” theo NAFTA.

Trong phán quyết này, hội đồng trọng tài cho rằng trọng tài không có thẩm quyền xét xử về mặt nội dung và do đó bác bỏ toàn bộ khiếu kiện của nguyên đơn. Để đi tới kết luận này, vấn đề trọng tâm được xem xét là liệu hạn ngạch phát thải khí nhà kính có thể được coi là một "khoản đầu tư" theo định nghĩa của NAFTA hay không.

3.2. Phân tích phán quyết trọng tài

Để xác định liệu hạn ngạch phát thải khí nhà kính trong khuôn khổ Chương trình Cap and Trade có thể được xem là “khoản đầu tư” theo định nghĩa của NAFTA, trọng tài cho rằng phải làm rõ hai vấn đề: Thứ nhất là hạn ngạch phát thải có được coi là “tài sản” theo Điều 1139(g) NAFTA hay không; thứ hai là hoạt động mua bán các hạn ngạch này có thể được coi là “hoạt động kinh tế” theo Điều 1139(h) NAFTA hay không.

Về khái niệm “tài sản”, nguyên đơn lập luận rằng hạn ngạch phát thải khí nhà kính là tài sản vô hình có giá trị kinh tế, do đó đáp ứng định nghĩa khoản đầu tư được bảo hộ theo Điều 1139(g). Họ lập luận rằng cần áp dụng cách hiểu rộng, phù hợp với luật quốc tế, trong việc diễn giải khái niệm này. Ngược lại, bị đơn cho rằng các hạn ngạch này không đáp ứng đủ đặc điểm của quyền tài sản theo truyền thống pháp luật Anh-Mỹ; rằng không có văn bản pháp luật hay án lệ tại Ontario xác định rõ hạn ngạch là tài sản; và rằng cả Đạo luật Cap and Trade và Hiệp định NAFTA đều không quy định cụ thể như vậy.

Vì không có quy định cụ thể trong NAFTA và pháp luật quốc tế, trọng tài cho rằng luật nội địa của quốc gia tiếp nhận đầu tư là căn cứ chính để xác định khái niệm “tài sản”. Sau khi phân tích hệ thống án lệ Canada, đặc biệt là tại Ontario, trọng tài thấy không tồn tại tiêu chuẩn pháp lý rõ ràng về việc công nhận hạn ngạch phát thải là tài sản. Hơn nữa, tiêu chí cốt lõi trong việc xác định quyền tài sản được cả hai bên thừa nhận là quyền kiểm soát độc quyền, điều mà nguyên đơn không chứng minh được trong vụ kiện này. Trọng tài cũng xác định bản chất của Chương trình Cap and Trade là một cơ chế quản lý nhà nước có tính chất điều tiết nhằm phục vụ mục tiêu môi trường, trong đó Chính phủ Ontario giữ quyền tuyệt đối trong việc tạo lập, phân bổ và

hủy bỏ hạn ngạch phát thải. Điều này làm giảm khả năng kiểm soát độc lập và ổn định của chủ thể sở hữu hạn ngạch. Trên cơ sở đó, trọng tài kết luận hạn ngạch phát thải khí nhà kính không đủ điều kiện để được xem là “tài sản” theo NAFTA²⁰.

Tiếp theo, về khía cạnh “hoạt động kinh tế”, nguyên đơn cho rằng việc mua bán hạn ngạch, kết hợp với hoạt động giao dịch các-bon của nguyên đơn tại Ontario, tạo thành một “lợi ích phát sinh từ cam kết vốn và các nguồn lực khác” tại nước tiếp nhận đầu tư, do đó đáp ứng điều kiện được bảo hộ theo Điều 1139(h) của NAFTA. Tuy nhiên, trọng tài áp dụng các nguyên tắc diễn giải điều ước quốc tế theo Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế năm 1969 và tham chiếu các phán quyết trọng tài có liên quan, kết luận rằng “lợi ích” phải thể hiện ở hai đặc điểm: (1) Sở hữu tài sản tại quốc gia tiếp nhận đầu tư; (2) Thù lao phụ thuộc phần lớn vào sản lượng, doanh thu hoặc lợi nhuận. Tuy nhiên, khi xem xét tình tiết vụ việc, trọng tài nhận định hoạt động kinh doanh giao dịch hạn ngạch phát thải là hoạt động thương mại xuyên biên giới, không phải hoạt động kinh tế tại lãnh thổ của bị đơn vì nguyên đơn là “người tham gia thị trường” không có nghĩa vụ phát thải, không bị phạt nếu vượt giới hạn và chỉ đơn thuần mua bán hạn ngạch để kiếm lời. Nói cách khác, toàn bộ hoạt động giao dịch của nguyên đơn được thực hiện tại Hoa Kỳ và không có các hoạt động kinh tế rõ ràng với tỉnh Ontario. Hoạt động của nguyên đơn là hoạt động giao dịch mang tính đầu cơ, không được xem là hoạt động đầu tư vì hoạt động này không mang lại giá trị kinh tế trên thực tế cho nhà đầu tư tại quốc gia tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư cũng không tham gia vào rủi ro pháp lý hay vận hành của chương trình giới hạn phát thải. Do đó, các giao dịch mua bán hạn ngạch này không đủ cơ sở để được coi là hoạt động đầu tư kinh tế theo NAFTA²¹.

Tóm lại, trọng tài kết luận hạn ngạch phát thải khí nhà kính - đối tượng của vụ tranh chấp không thỏa mãn định nghĩa “khoản đầu tư được bảo hộ” theo Hiệp định NAFTA vì hạn ngạch phát thải không phải là tài sản và việc giao dịch hạn ngạch không được coi là hoạt động kinh tế theo Điều 1139 của NAFTA. Do đó, trọng tài đã bác bỏ thẩm quyền đối với toàn bộ các khiếu kiện của nguyên đơn. Phán quyết cho thấy trọng tài có cách tiếp cận khá thận trọng trong việc xác định tính chất pháp lý của hạn ngạch phát thải trong tranh chấp đầu tư, đồng thời củng cố nguyên tắc rằng một hoạt động có giá trị kinh tế tiềm năng không đương nhiên được coi là một hoạt động đầu tư được bảo hộ theo IIA. Vụ tranh chấp này cũng cho thấy xu hướng trọng tài đầu

²⁰ *Koch Industries v. Canada*, tldđ, tr. 74-75.

²¹ *Koch Industries v. Canada*, tldđ, tr. 81-95.

tư đang đặt ra các điều kiện cao hơn khi xác định thẩm quyền trong tranh chấp giữa nhà đầu tư và Nhà nước liên quan đến chính sách công, đặc biệt là chính sách về môi trường và biến đổi khí hậu.

4. Một số kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư liên quan đến hạn ngạch phát thải khí nhà kính

Trong những năm gần đây, Việt Nam từng bước khẳng định cam kết mạnh mẽ trong việc chống biến đổi khí hậu toàn cầu. Việc tham gia Hiệp định Paris năm 2015 là bước đi quan trọng, thể hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính. Không dừng ở đó, Việt Nam cũng chủ động đóng góp tại các Hội nghị các bên (COP), đặc biệt là tại COP26 năm 2021, nơi Việt Nam cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, và giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính vào năm 2030 bằng nguồn lực trong nước (có thể lên tới 27% nếu nhận được hỗ trợ quốc tế)²². Trên cơ sở các cam kết đó, Việt Nam đã từng bước xây dựng khuôn khổ pháp lý về quản lý phát thải, đáng chú ý là Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ về giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon. Nghị định này không chỉ đặt nền móng cho việc kiểm soát lượng phát thải trong nước, mà còn mở đường cho việc hình thành thị trường các-bon tại Việt Nam. Từ tháng 6/2025, Việt Nam đã bắt đầu thí điểm vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước. Đây là bước đi quan trọng hướng đến việc thiết lập một thị trường các-bon chính thức, có khả năng kết nối với thị trường quốc tế và thu hút nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Tiến trình từng bước hội nhập vào thị trường các-bon toàn cầu mở ra cho Việt Nam nhiều cơ hội thu hút đầu tư, song cũng đặt ra những thách thức về quản lý hoạt động cấp phát, giao dịch và điều chỉnh các công cụ như hạn ngạch phát thải. Trong bối cảnh các IIA mà Việt Nam là thành viên chưa có quy định cụ thể về địa vị pháp lý của hạn ngạch phát thải, việc nghiên cứu thực tiễn giải quyết tranh chấp đầu tư là cần thiết, không chỉ nhằm phòng ngừa rủi ro tranh chấp có thể phát sinh trong tương lai, mà còn bảo đảm không gian chính sách cần thiết cho Nhà nước trong việc điều chỉnh chính sách môi trường. Dù đến thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa ghi nhận tranh chấp đầu tư quốc tế nào liên quan đến hạn ngạch phát thải nhưng một số phán quyết trọng tài gần đây như vụ *Koch Industries kiện Chính phủ Canada*, cung cấp những kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam trong xây dựng và phát triển thị trường các-bon.

²² Võ Xuân Vinh (2024) *Thị trường tín chỉ carbon và chiến lược phát triển nguồn nhân lực*, https://ibr.ueh.edu.vn/Uploads/2024/Th%E1%BB%8B%20tr%C6%B0%E1%BB%9Dng%20t%C3%ADn%20ch%E1%BB%89%20carbon_Xe8DiXce.pdf, truy cập ngày 25/9/2025.

Thứ nhất, việc trọng tài trong vụ Koch Industries kiện Canada bác bỏ thẩm quyền xét xử do hạn ngạch phát thải không thỏa mãn điều kiện của “khoản đầu tư” cho thấy tầm quan trọng của việc xác định rõ phạm vi và khái niệm “tài sản” trong pháp luật quốc gia. Trong vụ này, trọng tài cho rằng pháp luật Ontario không công nhận hạn ngạch phát thải là quyền tài sản có tính ổn định. Từ góc độ này, Việt Nam cần lưu ý đến việc định hình khái niệm “tài sản” và “đầu tư” trong pháp luật quốc gia. Cụ thể, nên xem xét quy định rõ trong Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường hoặc các văn bản dưới luật rằng hạn ngạch phát thải, tín chỉ các-bon, hay quyền giao dịch phát thải chỉ là công cụ chính sách, không mang bản chất là một loại tài sản. Cách tiếp cận này sẽ tạo ra cơ sở pháp lý minh bạch, giúp nhà đầu tư hiểu rõ địa vị pháp lý của các công cụ các-bon, từ đó chủ động xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp. Đồng thời, điều này giúp Nhà nước hạn chế nguy cơ bị khiếu kiện trong trường hợp cần điều chỉnh chính sách về các công cụ các-bon, tạo tiền đề pháp lý để chủ động bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình trong các tranh chấp đầu tư quốc tế.

Thứ hai, thực tiễn giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cũng cho thấy khi IIA không quy định cụ thể, thì pháp luật của quốc gia tiếp nhận đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng để xác định bản chất của khoản đầu tư. Cách tiếp cận này thể hiện xu hướng tôn trọng chủ quyền lập pháp của quốc gia, đồng thời phản ánh thực tế rằng các quy định quốc tế hiện nay về đầu tư liên quan tới môi trường còn nhiều khoảng trống. Do đó, Việt Nam cần chú trọng xây dựng các quy định pháp luật trong nước không chỉ để quản lý hoạt động giao dịch phát thải mà còn để điều chỉnh quan hệ đầu tư liên quan đến thị trường các-bon.

Việc hoàn thiện pháp luật nội địa có thể ở trên ba phương diện chính: (i) Bổ sung các tiêu chí pháp lý cụ thể để đánh giá tính chất của hoạt động đầu tư vào thị trường phát thải, bao gồm mục tiêu đầu tư, thời gian nắm giữ, mức độ gắn kết với hoạt động sản xuất - kinh doanh trong nước và giá trị gia tăng thực tế mang lại cho nền kinh tế; (ii) Xác lập cơ chế kiểm soát và đánh giá các giao dịch liên quan đến tín chỉ các-bon và hạn ngạch phát thải trong thương mại quốc tế, nhằm tránh tình trạng lạm dụng hoặc chuyển dịch nghĩa vụ phát thải mà không góp phần vào mục tiêu giảm phát thải thực tế. Các quy định này nên gắn với hệ thống giám sát minh bạch, báo cáo và xác minh, đồng thời có cơ chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan quản lý đầu tư và môi trường; (iii) Đảm bảo khung pháp lý điều chỉnh thị trường các-bon có tính ổn định, khả dự đoán cao và có cơ chế chuyển tiếp rõ ràng khi điều chỉnh chính sách. Sự thiếu nhất quán hoặc thay đổi đột ngột các quy định về giao dịch phát thải có thể làm giảm niềm

tin của nhà đầu tư nước ngoài, hệ quả là Việt Nam có thể mất đi cơ hội thu hút đầu tư xanh từ các nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ ba, Việt Nam cần chủ động tăng cường năng lực pháp lý trong công tác ngăn ngừa và giải quyết tranh chấp quốc tế. Khi bị nhà đầu tư khởi kiện thì phương án phản đối thẩm quyền của trọng tài ngay từ giai đoạn đầu khá hiệu quả để hạn chế rủi ro pháp lý và chi phí tố tụng cho quốc gia bị đơn. Đây là một bài học quan trọng mà Việt Nam có thể vận dụng trong bối cảnh tranh chấp đầu tư liên quan đến các công cụ môi trường như hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon có xu hướng gia tăng. Để ứng phó kịp thời và hiệu quả, Việt Nam cũng cần xây dựng đội ngũ chuyên gia và cơ quan đầu mối có năng lực chuyên môn trong lĩnh vực đầu tư liên quan tới môi trường, có khả năng tham gia thương lượng, tư vấn và xử lý tranh chấp khi cần thiết. Cơ quan đầu mối có thể là đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, chịu trách nhiệm tiếp nhận thông tin, xây dựng chính sách, và phối hợp với các cơ quan như Bộ Tư pháp trong việc xử lý tranh chấp quốc tế. Việc xác định rõ đầu mối tổ chức sẽ giúp tăng cường điều phối liên ngành và thống nhất lập luận pháp lý của Nhà nước trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Bên cạnh đó, Việt Nam cần đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực thông qua các chương trình tập huấn ngắn hạn về pháp luật đầu tư và môi trường theo hướng liên ngành, dành cho cán bộ trong các cơ quan quản lý nhà nước. Các cơ quan nhà nước cũng nên cân nhắc tạo điều kiện để các nhà nghiên cứu và chuyên gia tham gia vào công tác tư vấn, hoạch định chính sách và thực thi pháp luật liên quan đến thị trường các-bon. Việc nghiên cứu và tập hợp các án lệ quốc tế về tranh chấp đầu tư liên quan tới thị trường các-bon cũng đóng vai trò quan trọng giúp Việt Nam nắm bắt xu hướng diễn giải pháp lý và cách tiếp cận của các hội đồng trọng tài quốc tế. Cuối cùng, Việt Nam nên tiếp tục tích cực tham gia vào các sáng kiến hợp tác quốc tế và mạng lưới chuyên gia trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp đầu tư - môi trường, đồng thời tăng cường trao đổi, học hỏi từ các quốc gia có kinh nghiệm trong việc phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư liên quan tới chính sách, pháp luật về giảm phát thải nhà kính. Việc nâng cao năng lực thể chế và chuyên môn không chỉ giúp Việt Nam bảo vệ lợi ích quốc gia trong các vụ tranh chấp có thể phát sinh mà còn thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc xây dựng một môi trường đầu tư minh bạch và ổn định.

5. Kết luận

Sự phát triển của các cơ chế giảm phát thải, đặc biệt là hệ thống hạn ngạch phát thải khí nhà kính và thị trường các-bon, đang đặt ra những thách thức pháp lý mới

trong quan hệ giữa chính sách môi trường và nghĩa vụ bảo hộ đầu tư quốc tế. Vụ *Koch Industries khởi kiện Canada* là một ví dụ điển hình cho thấy, khi chính phủ thực thi các biện pháp điều tiết về hạn ngạch phát thải thì có thể ảnh hưởng tới lợi ích kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài, từ đó làm phát sinh các tranh chấp đầu tư phức tạp. Phán quyết của hội đồng trọng tài trong vụ tranh chấp này góp phần định hình cách tiếp cận mới trong việc đánh giá các “khoản đầu tư” gắn với công cụ chính sách môi trường. Đối với Việt Nam, giai đoạn xây dựng và vận hành thị trường các-bon là cơ hội nhưng cũng đối mặt với nhiều rủi ro. Một khung pháp lý rõ ràng, minh bạch và hài hòa giữa luật đầu tư và luật môi trường sẽ giúp Việt Nam vừa thực hiện được các cam kết quốc tế về giảm phát thải, vừa phòng ngừa được rủi ro pháp lý trong quan hệ đầu tư quốc tế. Việt Nam cần coi trọng việc xác lập địa vị pháp lý của hạn ngạch phát thải, thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp phù hợp với đặc thù của lĩnh vực môi trường, và chuẩn bị năng lực ứng phó pháp lý trong các vụ kiện quốc tế có thể phát sinh. Đây là những điều kiện tiên quyết để Việt Nam phát triển thị trường các-bon bền vững, đồng thời bảo đảm lợi ích quốc gia trong tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Commission Decision (EU) of 27.7.2023 on the Union-wide quantity of allowances to be issued under the EU Emissions Trading System for 2024*, truy cập tại https://climate.ec.europa.eu/document/download/9430545c-6e33-4a16-b6b1-4c209aa3490b_en?filename=news_20230728_c_2023_4950_en.pdf&xprefLang=nl, truy cập ngày 02/02/2026.
2. *Koch Industries, Inc. and Koch Supply & Trading, LP v. Canada*, ICSID Case No. ARB/20/52, Award, truy cập tại <https://www.italaw.com/sites/default/files/case-documents/italw180805.pdf>, truy cập ngày 02/02/2026.
3. Anja Ipp and Annette Magnusson (2024), *Investment Arbitration and Climate Change*, Kluwer Law International.
4. Arman Sarvarian (2024), *Koch Industries, Inc. Koch Industries, Inc. and Koch Supply & Trading, LP v Canada: Emissions Allowances as ‘Investment’?*, Tạp chí ICSID Review, Số 39 (3).
5. European Commission (n.d.), *About the EU ETS*, truy cập tại https://climate.ec.europa.eu/eu-action/carbon-markets/eu-emissions-trading-system-eu-ets/about-eu-ets_en, truy cập ngày 02/02/2026.

6. European Union (n.d.), *Glossary: Emissions trading system (ETS)*, truy cập tại [https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=Glossary: Emissions_trading_system_\(ETS\)](https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=Glossary:_Emissions_trading_system_(ETS)), truy cập ngày 02/02/2026.

7. Võ Xuân Vinh (2024), *Thị trường tín chỉ carbon và chiến lược phát triển nguồn nhân lực*, truy cập tại https://ibr.ueh.edu.vn/Uploads/2024/Th%E1%BB%8B%20tr%C6%B0%E1%BB%9Dng%20t%C3%ADn%20ch%E1%BB%89%20carbon_Xe8DiXce.pdf, truy cập ngày 02/02/2026.

8. The Dutch Emission Authority (n.d.), *Obtaining emission allowances*, truy cập tại <https://www.emissionsauthority.nl/topics/emissions-trading-eu-ets-2021-2030/eu-ets-registry-2021-2030/allowances/obtaining-emission-allowances>, truy cập ngày 02/02/2026.

9. Trịnh Nam Phong (2024), *Thị trường carbon hình thành trên thế giới như thế nào?*, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, truy cập tại <https://pilot.dcc.gov.vn/thi-truong-cac-bon/thi-truong-carbon-hinh-thanh-tren-the-2720>, truy cập ngày 02/02/2026.

10. U.S. Environmental Protection Agency (2025), *Allowance Markets*, truy cập tại <https://www.epa.gov/power-sector/allowance-markets>, truy cập ngày 02/02/2026.

11. United Nations (n.d.), *Climate Change*, truy cập tại <https://www.un.org/en/global-issues/climate-change>, truy cập ngày 02/02/2026.

12. Ursula Kriebaum, Christoph Schreuer, Rudolf Dolzer (2022), *Principles of International Investment Law*, Oxford University Press.